

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 172/2024/KDTM-ST

Ngày: 30/7/2024

V/v: Tranh chấp Hợp đồng  
cho thuê tài chính

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Diệu Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Nguyễn Thanh Hải
- Bà Trần Hoàng Hạnh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Sơn Hà, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Kim Oanh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 307/2023/TLST-KDTM ngày 12 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 8976/2024/QĐXXST-KDTM, ngày 07 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10877/2024/QĐST-KDTM, ngày 04 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV C.

Địa chỉ: Tầng 2x, Cao ốc S, Số 3x đường T, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Tiến T1, Là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số: 393.2024/GUQ-COL ngày 23/5/2024). (Có mặt)

2. Bị đơn: Công ty TNHH Q;

Địa chỉ: Số 9xC đường H, phường Đ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp bị đơn: Ông Trần Văn K, sinh năm 1972 - Là đại diện theo pháp luật. Địa chỉ: Số 3xx/2x đường T2, phường H1, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh - Số 2xx/x tổ x, khu phố x, phường C1, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trần Văn K; sinh năm 1972. (vắng mặt)

Thường trú: Số 3xx/2x Khu phố B1, phường H1, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Số 2xx/x tổ x, khu phố x, phường C1, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Nguyễn Thị Tú T3; sinh năm 1987. (vắng mặt)

Thường trú: Ấp x, xã V, huyện V1, tỉnh Hậu Giang.

Địa chỉ hiện nay: Số 3xx/2x Khu phố B1, phường H1, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/5/2023, đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 23/5/2024, bản tự khai ngày 24/5/2024 và tại các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn – Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV C có ông Phạm Tiến T1 là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV C (Sau đây gọi tắt là nguyên đơn) là tổ chức tín dụng phi ngân hàng với chức năng cho thuê tài chính theo quy định của pháp luật Việt Nam. Công ty TNHH Q (Sau đây gọi tắt là bị đơn) là khách hàng thuê tài chính của Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV C.

Do bị đơn có nhu cầu sử dụng máy móc, thiết bị để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình và đề nghị nguyên đơn tài trợ tài chính nên hai bên đã ký Hợp đồng cho thuê tài chính số B210106XXX ngày 04/02/2021 (Sau đây gọi tắt là Hợp đồng thuê). Theo đó, tài sản mà bị đơn có nhu cầu thuê tài chính là 01 (Một) Máy in offset 4 màu (Hiệu: Mitsubishi daiya, Model: 3F-4) (Sau đây gọi tắt là Tài sản thuê).

Ngoài ra, để đảm bảo cho việc nghĩa vụ thanh toán tiền thuê của bên thuê trong Hợp đồng thuê, nguyên đơn có chấp nhận Thư bảo lãnh cá nhân của ông Trần Văn K, bà Nguyễn Thị Tú T3 cùng ký ngày 04/02/2021.

Để thực hiện Hợp đồng thuê, nguyên đơn ký hợp đồng mua bán số B210106XXX-PC ngày 05/02/2021 với Công ty Cổ phần M để mua Tài sản thuê nêu trên với giá là: 4.500.000.000 (Bốn tỷ năm trăm triệu) đồng. Ngày 18/02/2021, bị đơn đã ký Biên bản bàn giao và nghiệm thu.

Tổng giá trị của Tài sản thuê là: 4.500.000.000 (Bốn tỷ năm trăm triệu) đồng. Trong đó, bị đơn trả trước: 1.350.000.000 (Một tỷ ba trăm năm mươi triệu) đồng (Sau đây gọi tắt là Tiền trả trước), nguyên đơn sẽ tài trợ vốn là: 3.150.000.000 (Ba tỷ một trăm năm mươi triệu) đồng (Sau đây gọi tắt là Giá trị thuê).

Hàng tháng, bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn Tiền thuê bao gồm một phần Vốn gốc và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền Vốn gốc mà nguyên đơn đã tài trợ cộng các khoản lãi theo Hợp đồng

thuê. Trước khi bị đơn trả hết toàn bộ số tiền vốn gốc cùng các khoản lãi, nguyên đơn vẫn là chủ sở hữu của Tài sản thuê và là người đứng tên trên toàn bộ các hóa đơn, chứng từ, các giấy tờ pháp lý khác liên quan đến quyền sở hữu, v.v. đối với tài sản thuê. Căn cứ theo các quy định pháp luật hiện hành và Điều 26 của Hợp đồng thuê, nếu bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán Tiền thuê, hay vi phạm bất cứ một điều khoản hoặc điều kiện nào của Hợp đồng thuê, hay bị mất khả năng thanh toán, nguyên đơn đều có quyền chấm dứt Hợp đồng thuê trước thời hạn, thu hồi Tài sản thuê và yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại (Nếu có).

Thời hạn thuê của Hợp đồng thuê là 48 (Bốn mươi tám) tháng, kể từ ngày 18/02/2021 đến ngày 15/02/2025.

Lãi suất thuê theo Hợp đồng thuê được quy định cụ thể tại Thông báo bắt đầu thuê mà nguyên đơn đã phát hành và tuân thủ đúng quy định pháp luật về lãi suất áp dụng cho hoạt động thuê tài chính tại Việt Nam.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng thuê, bị đơn thường xuyên thanh toán không đúng hạn, mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần liên lạc cũng như làm việc trực tiếp với bị đơn để yêu cầu thanh toán.

Do bị đơn đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán tiền thuê quy định tại Điều 26 của Hợp đồng thuê nên vào ngày 12/04/2023, nguyên đơn đã phát hành Thông báo chấm dứt Hợp đồng thuê và thu hồi Tài sản thuê, yêu cầu bị đơn thanh toán tổng số tiền còn thiếu theo Hợp đồng thuê tính đến ngày 13/04/2023 (ngày chính thức chấm dứt Hợp đồng thuê) là: 2.557.471.446 (Hai tỷ năm trăm năm mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi một nghìn bốn trăm bốn mươi sáu) đồng.

Sau đó, nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ với bị đơn để yêu cầu thanh toán các khoản tiền thuê còn nợ. Tuy nhiên, bị đơn vẫn chưa thanh toán hết số tiền thuê còn nợ cho nguyên đơn.

Ngày 08/05/2023, nguyên đơn phát hành Thư yêu cầu thanh toán về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán tiền thuê để yêu cầu ông Trần Văn K, bà Nguyễn Thị Tú T3 thanh toán theo nội dung Thư bảo lãnh cá nhân đã ký nhưng đến nay ông Trần Văn K, bà Nguyễn Thị Tú T3 vẫn chưa thanh toán số tiền mà bị đơn còn nợ.

*Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu:*

Buộc Công ty TNHH Q thanh toán cho nguyên đơn - Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV C số tiền thuê còn thiếu (Tạm tính đến ngày 16/05/2023) là: 2.578.992.161 (Hai tỷ năm trăm bảy mươi tám triệu chín trăm chín mươi hai nghìn một trăm sáu mươi một) đồng. Trong đó bao gồm:

- Nợ gốc là 2.034.375.000 (Hai tỷ không trăm ba mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

- Nợ lãi trong hạn tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 13/04/2023 là 523.096.446 (Năm trăm hai mươi ba triệu không trăm chín mươi sáu nghìn bốn trăm bốn mươi sáu) đồng.

- Nợ lãi chậm thanh toán từ ngày 14/04/2013 đến ngày 16/05/2023 là: 21.520.715 (Hai mươi một triệu năm trăm hai mươi nghìn bảy trăm mười lăm) đồng.

Buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ ngày 17/05/2023 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quy định tại Hợp đồng thuê cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Trường hợp bị đơn không thanh toán được toàn bộ số tiền thuê còn nợ, buộc ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị Tú T3 thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn theo nội dung thư bảo lãnh đã ký cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền thuê còn nợ.

*Tại bản tự khai ngày 24/5/2024, nguyên đơn trình bày thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau:*

Ngày 30/11/2023, nguyên đơn đã thanh lý tài sản thuê nêu trên với số tiền là: 1.300.000.000 (Một tỷ ba trăm triệu) đồng, toàn bộ khoản tiền còn lại đều được trừ vào vốn gốc.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán kéo dài, đồng thời nhằm giảm thiểu việc khoản lãi chậm thanh toán tiếp tục phát sinh trên dư nợ gốc theo quy định tại Hợp đồng thuê, căn cứ vào quy định tại Điều 13.3 Hợp đồng cho thuê tài chính, vào ngày 30/11/2023, nguyên đơn đã tiến hành cầm trừ toàn bộ khoản tiền ký cược, bảo đảm là: 450.000.000 (Bốn trăm năm mươi triệu) đồng, sau khi trừ đi các chi phí vận chuyển máy móc, chi phí kho bãi lưu trữ máy móc với số tiền: 92.622.222 (Chín mươi hai triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn hai trăm hai mươi hai) đồng, còn lại số tiền: 357.377.778 (Ba trăm năm mươi bảy triệu, ba trăm bảy mươi bảy nghìn, bảy trăm bảy mươi tám) đồng. vào dư nợ gốc của Hợp đồng thuê.

Tính đến ngày 30/7/2024, nguyên đơn yêu cầu bị đơn:

Thanh toán tổng số tiền nợ là: 1.022.703.227 (Một tỷ không trăm hai mươi hai triệu bảy trăm lẻ ba nghìn hai trăm hai mươi bảy) đồng, bao gồm: Nợ gốc là: 346.031.311 (Ba trăm bốn mươi sáu triệu không trăm ba mươi một nghìn ba trăm mười một) đồng. Lãi trong hạn đến ngày 13/04/2023 là: 523.096.446 (Năm trăm hai mươi ba triệu không trăm chín mươi sáu nghìn bốn trăm bốn mươi sáu) đồng. Lãi chậm thanh toán từ ngày 14/04/2023 đến ngày 30/7/2024 là: 153.575.470 (Một trăm năm mươi ba triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn bốn trăm bảy mươi) đồng.

Buộc bị đơn tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ ngày 31/7/2024 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quy định tại Hợp đồng thuê cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Trường hợp bị đơn không thanh toán được toàn bộ số tiền thuê còn nợ, buộc ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị Tú T3 thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn theo nội dung thư bảo lãnh đã ký cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền thuê còn nợ.

*Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt trong toàn bộ quá trình xét xử nên không nộp tài liệu, chứng cứ nào tại Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, không có ý kiến đối với nội dung vụ án, đã được tòa án thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không có yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập.*

*Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện theo bản khai ngày 30/7/2024.

Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

*Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến:*

- Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Thẩm quyền giải quyết vụ án, thời hiệu khởi kiện, việc thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử và thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc tổng đạt các văn bản tố tụng là đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 97, Điều 171, Điều 203 và Điều 220 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử đảm bảo nguyên tắc công khai, độc lập, khách quan, trực tiếp, bằng lời nói và đúng trình tự, thủ tục quy định tại các Điều 12, 14, 15, 237, 239, 250 và 260 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của các đương sự và Hội đồng xét xử: Trong quá trình giải quyết vụ án, và tại phiên tòa, các đương sự và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ thực tế, căn cứ vào khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015, căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật tổ chức tín dụng 2010 xét thấy có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về pháp luật tố tụng:* Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV C khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Q trả số tiền còn nợ phát sinh từ Hợp đồng cho thuê tài chính số B210106XXX ngày 04/02/2021. Đây là vụ án dân sự do tranh chấp

phát sinh trong việc thực hiện hợp đồng cho thuê tài chính. Bị đơn - Công ty TNHH Q có địa chỉ trụ sở tại Quận 1 nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng; bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Xét, các đương sự được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nên Tòa án căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] *Về pháp luật nội dung:*

2.1. *Xét việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ gốc:*

Xét Công ty TNHH Q đã ký Hợp đồng cho thuê tài chính số B210106XXX ngày 04/02/2021 với Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV C. Hợp đồng cho thuê tài chính số B210106XXX ngày 04/02/2021 có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 292, Điều 293, Điều 295, Điều 296, Điều 298, Điều 317, Điều 318, Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 nên có hiệu lực pháp luật.

Thực hiện hợp đồng, nguyên đơn ký hợp đồng mua bán số: B210106XXX-PC ngày 05/02/2021 với Công ty Cổ phần M để mua Tài sản thuê với giá là: 4.500.000.000 (Bốn tỷ năm trăm triệu) đồng. Ngày 18/02/2021, bị đơn đã ký Biên bản bàn giao và nghiệm thu.

Tổng giá trị của Tài sản thuê là: 4.500.000.000 (Bốn tỷ năm trăm triệu) đồng. Trong đó, bị đơn trả trước: 1.350.000.000 (Một tỷ ba trăm năm mươi triệu) đồng, nguyên đơn sẽ tài trợ vốn là: 3.150.000.000 (Ba tỷ một trăm năm mươi triệu) đồng.

Hàng tháng, bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn Tiền thuê bao gồm một phần vốn gốc và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền vốn gốc mà nguyên đơn đã tài trợ cộng các khoản lãi theo Hợp đồng thuê. Trước khi bị đơn trả hết toàn bộ số tiền vốn gốc cùng các khoản lãi, nguyên đơn vẫn là chủ sở hữu của tài sản thuê và là người đứng tên trên toàn bộ các hóa đơn, chứng từ, các giấy tờ pháp lý khác liên quan đến quyền sở hữu, v.v. đối với tài sản thuê. Căn cứ theo các quy định pháp luật hiện hành và Điều 26 của Hợp đồng thuê, nếu bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán Tiền thuê, hay vi phạm bất cứ một điều khoản hoặc điều kiện nào của Hợp đồng thuê, hay bị mất khả năng thanh toán, nguyên đơn đều có quyền chấm dứt Hợp đồng thuê trước thời hạn, thu hồi Tài sản thuê và yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại (Nếu có). Thời hạn thuê của Hợp đồng thuê là 48 (Bốn mươi tám) tháng, kể từ ngày 18/02/2021 đến ngày 15/02/2025. Lãi suất thuê theo Hợp đồng thuê được quy

định cụ thể tại Thông báo bắt đầu thuê mà nguyên đơn đã phát hành và tuân thủ đúng quy định pháp luật về lãi suất áp dụng cho hoạt động thuê tài chính tại Việt Nam.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng thuê, bị đơn thường xuyên thanh toán không đúng hạn, mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần liên lạc cũng như làm việc trực tiếp với bị đơn để yêu cầu thanh toán. Do bị đơn đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán tiền thuê quy định tại Điều 26 của Hợp đồng thuê, dẫn đến phát sinh nợ quá hạn, gây thiệt hại cho nguyên đơn, nên vào ngày 12/04/2023 nguyên đơn đã phát hành Thông báo chấm dứt Hợp đồng thuê và thu hồi Tài sản thuê, yêu cầu bị đơn thanh toán tổng số tiền còn thiếu theo Hợp đồng thuê tính đến ngày 13/04/2023 (ngày chính thức chấm dứt Hợp đồng thuê) là: 2.557.471.446 (Hai tỷ, năm trăm năm mươi bảy triệu, bốn trăm bảy mươi một nghìn, bốn trăm bốn mươi sáu) đồng.

Xét việc ngày 18/02/2021, bị đơn đã ký Biên bản bàn giao và nghiệm thu Tài sản thuê như thỏa thuận đã ký trong Hợp đồng cho thuê tài chính nhưng mới thực hiện một phần nghĩa vụ thanh toán lại cho nguyên đơn nên yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc của nguyên đơn - Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV C là có cơ sở để chấp nhận.

### *2.2. Xét việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi do chậm thanh toán:*

Xét thấy, Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV C đã thực hiện xong nghĩa vụ mua tài sản thuê và bàn giao cho bị đơn đúng như thỏa thuận đã ký trong hợp đồng cho thuê tài chính. Bị đơn đã ký Biên bản bàn giao và nghiệm thu Tài sản thuê ngày 18/02/2021 nhưng mới thực hiện nghĩa vụ thanh toán lại một phần số tiền nợ gốc cho nguyên đơn. Bị đơn đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn theo thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng cho thuê tài chính.

Căn cứ Hợp đồng cho thuê tài chính số B210106XXX ngày 04/02/2021 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017, Hội đồng xét xử xét thấy việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất đối với khoản tiền bị đơn đã sử dụng theo thỏa thuận của Hợp đồng cho thuê tài chính số B210106XXX ngày 04/02/2021 là có cơ sở chấp nhận.

### *2.3. Xét phương thức và thời gian thanh toán:*

Xét mặc dù bị đơn đã nghiệm thu và nhận bàn giao tài sản thuê và nguyên đơn đã nhắc nhở nhiều lần nhưng bị đơn vẫn chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán và đối chiếu quy định pháp luật tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả ngay một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tổng số tiền bị đơn còn thiếu nguyên đơn tạm tính đến ngày 30/7/2024 là: 1.022.703.227 (Một tỷ không trăm hai mươi hai triệu bảy trăm lẻ ba nghìn hai trăm hai mươi bảy) đồng, bao gồm: Nợ gốc là: 346.031.311 (Ba trăm bốn mươi sáu triệu không trăm ba mươi một nghìn ba trăm mười một) đồng. Lãi trong hạn đến ngày 13/04/2023 là: 523.096.446 (Năm trăm hai mươi

ba triệu không trăm chín mươi sáu nghìn bốn trăm bốn mươi sáu) đồng. Lãi chậm thanh toán từ ngày 14/04/2024 đến ngày 30/7/2024 là: 153.575.470 (Một trăm năm mươi ba triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn bốn trăm bảy mươi) đồng.

Kể từ ngày 31/7/2024, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ, Công ty TNHH Q còn phải trả cho Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV C khoản tiền lãi phát sinh tính trên số nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho thuê tài chính số B210106XXX ngày 04/02/2021.

2.4. *Xét yêu cầu người bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của nguyên đơn:*

Xét, ngày 04/02/2021, ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị Tú T3 đã ký Thư bảo lãnh cá nhân, “*Đồng ý sẽ bảo lãnh không hủy ngang và vô điều kiện cho Bên Cho Thuê*”, “*Không yêu cầu đền bù hay giảm bớt trách nhiệm cho việc thanh toán đầy đủ và đúng hạn bởi Bên Thuê đối với tổng số tiền đến hạn phải trả cho Bên Cho Thuê, bao gồm nhưng không giới hạn bởi, các khoản tiền thuê, tiền lãi, chi phí, phụ phí, lệ phí, thiệt hại và bất cứ các khoản nào khác theo quy định của Hợp Đồng Thuê*”.

“*Bằng thư này, Bên Bảo Lãnh đồng ý rằng, trong trường hợp Bên Thuê không thể thực hiện được bất kỳ nghĩa vụ thanh toán nào theo Hợp Đồng Thuê vì bất cứ lý do gì, Bên Bảo Lãnh phải thực hiện (các) nghĩa vụ này theo yêu cầu lần đầu bằng văn bản của Bên Cho Thuê mà Bên Cho Thuê không cần phải thu hồi và xử lý tài sản thuê theo Hợp Đồng Thuê và cũng không phải xuất trình bất kỳ một tài liệu hoặc bằng chứng nào cho Bên Bảo Lãnh. Các nghĩa vụ của Bên Bảo Lãnh ghi nhận trong Thư Bảo Lãnh này sẽ là tuyệt đối và vô điều kiện, và sẽ liên tục duy trì đầy đủ hiệu lực cũng như ảnh hưởng và sẽ không bị giảm bớt, hạn chế hay chấm dứt vì bất kỳ lý do nào khi mà Bên Thuê còn nợ Bên Cho Thuê bất kỳ khoản tiền nào như được quy định ở trên, và khi không có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Bên Cho Thuê, Thư Bảo Lãnh này sẽ không bị hủy bỏ bởi Bên Thuê bằng bất cứ cách nào*”.

Như đã nhận định ở trên, nguyên đơn đã thực hiện xong việc mua Tài Sản Thuê và bàn giao cho bị đơn nghiệm thu theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng cho thuê tài chính số B210106XXX ngày 04/02/2021 đã ký nhưng bị đơn mới thanh toán được một phần nợ lãi và gốc cho nguyên đơn. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê quy định tại Điều 26 của Hợp đồng thuê nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Kể từ ngày bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì nguyên đơn có quyền yêu cầu ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị Tú T3 thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cá nhân theo nội dung thư bảo lãnh đã ký để thu hồi nợ cho nguyên đơn cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền thuê còn nợ.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Công ty TNHH Q phải chịu án phí theo quy định pháp luật.



Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV C không phải chịu án phí nên được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 292, Điều 293, Điều 295, Điều 296, Điều 298, Điều 317, Điều 318, Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 91, Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

**1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV C:**

Buộc bị đơn Công ty TNHH Q phải thanh toán cho Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV C số tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng cho thuê tài chính số B210106XXX ngày 04/02/2021 (tính đến ngày 30/7/2024) là: 1.022.703.227 (Một tỷ, không trăm hai mươi hai triệu, bảy trăm lẻ ba nghìn, hai trăm hai mươi bảy) đồng, bao gồm:

Nợ gốc là: 346.031.311 (Ba trăm bốn mươi sáu triệu, không trăm ba mươi một nghìn, ba trăm mười một) đồng.

Lãi trong hạn đến ngày 13/04/2023 là: 523.096.446 (Năm trăm hai mươi ba triệu, không trăm chín mươi sáu nghìn, bốn trăm bốn mươi sáu) đồng.

Lãi chậm thanh toán từ ngày 14/04/2024 đến ngày 30/7/2024 là: 153.575.470 (Một trăm năm mươi ba triệu, năm trăm bảy mươi lăm nghìn, bốn trăm bảy mươi) đồng.

Thời hạn thanh toán: Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 31/7/2024, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ, Công ty TNHH Q còn phải trả cho Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV C khoản tiền lãi phát sinh tính trên số nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho thuê tài chính số B210106XXX ngày 04/02/2021.

Kể từ ngày bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu Công ty TNHH Q không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV C có quyền yêu

cầu ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị Tú T3 thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cá nhân theo nội dung Thư bảo lãnh cá nhân ngày 04/02/2021 để thu hồi nợ cho nguyên đơn cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền thuê còn nợ.

Các bên thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

**2. Về án phí dân sự sơ thẩm:** Công ty TNHH Q phải chịu án phí là: 42.681.097 (Bốn mươi hai triệu, sáu trăm tám mươi một nghìn, không trăm chín mươi bảy) đồng.

Hoàn trả cho Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 41.789.922 (Bốn mươi một triệu, bảy trăm tám mươi chín nghìn, chín trăm hai mươi hai) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2023/0045045 ngày 12 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

**3. Quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày đương sự nhận hoặc được tổng đạt, niêm yết hợp lệ bản án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 1, TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 1, TP.HCM;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Diệu Linh**

